

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại**  
**Bệnh viện đa khu vực Tây Nam**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ NGHỆ AN**

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 11/7/2016 về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Sở Y tế tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị định 109/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Số 21/2017/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Theo đề nghị Trưởng phòng Nghiệp Vụ Y, Sở Y tế Nghệ An.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt các kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam: 26 kỹ thuật (danh mục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Trên cơ sở phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt bổ sung, là cơ sở để đơn vị thực hiện và cơ quan Bảo hiểm xã hội Nghệ An thanh toán khám, chữa bệnh và chuyển tuyến cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao cho phòng Nghiệp Vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các ông (bà) trưởng các phòng ban Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, NVY.



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đậu Huy Hoàn**





**Phụ lục; Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung thực hiện tại BVĐK khu vực Tây Nam**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-SYT ngày 21/12/2020 của Sở Y tế Nghệ An)

**II. NỘI KHOA**

TT	TT 43; TT21	Tên Chương; Mục; tiêu mục chuyên khoa; Tên kỹ thuật (theo đúng TT 43, TT 21)	Phân tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1	2	3				
		<b>D. Thận tiết niệu</b>				
1	229	Rút sonde jj qua đường nội soi bàng quang	x			
		<b>VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN</b>				
2	07	Cấy chỉ	x	x	x	
		<b>IX. GÂY MÊ HỒI SỨC</b>				
3	242	Gây mê nội soi tán sỏi niệu quản	x	x		
		<b>XIV. MẮT</b>				
4	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x		
5	98	Chích mù hốc mắt	x	x		
6	111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	x	x		
7	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác	x	x		
8	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	x	x		
9	163	Rửa chất nhân tiền phòng	x	x		
10	167	Cắt bỏ chấp có bọc	x	x	x	
11	168	Khâu cò mi, tháo cò	x	x	x	
12	169	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
13	172	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
14	184	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x		
15	185	Múc nội nhãn	x	x		
16	186	Cắt thị thần kinh	x	x		
17	187	Phẫu thuật quặm	x	x		
18	188	Phẫu thuật quặm tái phát	x	x		
		<b>XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>				
		<b>A. Vật lý trị liệu</b>				
19	18	Điều trị bằng parafin	x	x	x	x



		<b>XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP</b>				
		<b>E. TIẾT NIỆU</b>				
20	84	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	x	x		
21	90	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	x	x		
22	107	Nội soi bàng quang có can thiệp (TT21)	x	x		
		<b>XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI</b>				
		<b>Đ1.Thận</b>				
23	355	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	x	x		
		<b>XXIII. HÓA SINH</b>				
		<b>A. MÁU</b>				
24	103	Xét nghiệm khí máu	x	x		
25	121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x		
		<b>N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)</b>				
26	518	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang (TT21)	x	x		

**SỞ Y TẾ NGHỆ AN**